

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: **51/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 24/6/2022

V.v Tranh chấp ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Huệ**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Việt Thành

2/ Bà Trần Vĩnh Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Vũ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận B – thành phố Cần Thơ.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 37/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 281/QĐST, ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Ngọc Th**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 145 khu vực Thới Hưng, phường Thới An Đông, quận B, thành phố Cần Thơ

(có mặt)

Bị đơn: Ông **Tăng Hồng Th1**, sinh năm 1977

Địa chỉ: 31/2, tổ 3, khu vực 1, phường Trà Nóc, quận B, thành phố Cần Thơ.

(Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Th trình bày:

Bà và ông Tăng Hồng Th1 tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2001, nhưng đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới An Đông, quận B, thành

phố Cần Thơ. Quá trình hôn nhân vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống do ông Th1 không quan tâm, chăm sóc gia đình mà còn có hành động vũ phu với bà. Vợ chồng đã nhiều lần bàn bạc, tìm cách hàn gắn nhưng đều không có kết quả nên đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay xét thấy không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với ông Th1, nên bà có đơn xin được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung Tăng Tú Q, sinh năm 2003 và Tăng Tú Q1, sinh năm 2008. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông Th1 cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận

Nợ chung: Xác định không có.

Phía bị đơn – ông Tăng Hồng Th1, đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án tiến hành lập thủ tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt phía bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa;

Bị đơn vắng mặt.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền giải quyết và thẩm thủ tục tố tụng: Bà Th và ông Th1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ. Ông Th1 có địa chỉ cư trú tại quận B nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phía bị đơn- ông Th1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, có nhận các thông báo triệu tập của Tòa án đến lần thứ 4 nhưng vẫn không đến Tòa theo triệu tập. Nay căn cứ vào các thủ tục tố tụng đã được tiến hành hợp lệ, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông Th1 theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua trình bày của nguyên đơn cho thấy hôn nhân của bà và ông Th1 có thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông Th1 không có sự quan tâm, chăm lo cho gia đình. Vì không tìm được tiếng nói chung và biện pháp hàn gắn nên vợ chồng đã ly thân hơn 02 năm nay. Nay bà Th có yêu cầu ly hôn, ông Th1 dù biết nhưng vẫn không đến Tòa theo triệu tập, điều này chứng tỏ ông cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Nếu tiếp tục kéo dài cũng không giúp tình trạng hôn nhân của cả hai cải thiện tốt hơn, do vậy nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th đối với ông Th1, để cả hai có cuộc sống riêng là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Th xác định có 02 con chung là Tăng Tú Q (nữ), sinh năm 2003 và Tăng Tú Q1 (nữ), sinh năm 2008. Bà Th có nguyện vọng được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông Th1 cấp dưỡng. Xét thấy, cháu Tú Q đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Đối với cháu Tú Q1, từ trước đến nay vẫn do bà Th nuôi dưỡng, cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, do vậy đây là căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Th về việc nuôi con, theo nguyện vọng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà Th không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, nên không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Th phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và 271 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc Th đối với ông Tăng Hồng Th1

- Về con chung: Giao con chung Tăng Tú Q1 (nữ), sinh năm 2008 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Không đặt ra xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn không yêu cầu.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Th1 không ai được quyền ngăn cản.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc Th phải nộp 300.000 đồng. chuyển tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo biên lai thu số 0002285 ngày 16/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B thành án phí

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận B;
- VKSND TPCT;
- TAND TPCT;
- THA Q B.
- UBND p Thới An Đông, Q B
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Huệ

